

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN KRÔNG PA  
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số 10/2017/DSST  
Ngày 27/9/2017  
v/v “*Tranh chấp hợp đồng  
vay tài sản*”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG PA TỈNH GIA LAI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Ksor Pep

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Thị Kiều Diễm

2. Bà Nguyễn Thị Lý

*- Thư ký phiên tòa:* Ông Đinh Hải Biên – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Krông Pa, tỉnh Gia Lai.

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pa tham gia phiên tòa:* Ông Nay San - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Pa, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 13/2017/TLST–DS ngày 25 tháng 4 năm 2017 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2017/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 8 năm 2017, giữa các đương sự:

*- Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Đức L, sinh năm 1967 và bà Phan Thị Bạch Th, sinh năm 1970

Cùng địa chỉ: Số 86 đường Thống Nhất, tổ dân phố 2, thị trấn phú túc, huyện Krông Pa, tỉnh Gia Lai. Ông Nguyễn Đức Lợi ủy quyền cho bà Phan Thị Bạch Thu tham gia phiên tòa(theo văn bản ủy quyền được chứng thực ngày 31/8/2017). Bà Phan Thị Bạch Thu có mặt tại phiên tòa.

*- Bị đơn:* Bà Trịnh Thị Như H, sinh năm 1978

Địa chỉ : tổ dân phố 1, thị trấn phú túc, huyện Krông Pa, tỉnh Gia Lai. Có mặt

*-Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Bùi Tuấn K, sinh năm 1973.

Địa chỉ: tổ dân phố 1, thị trấn phú túc, huyện Krông Pa, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

1. Trong đơn khởi kiện ngày 14/4/2017, nguyên đơn ông Nguyễn Đức L, bà Phan Thị Bạch Th trình bày : Vào ngày 02/02/2016, bà Trịnh Thị Như H có vay của vợ chồng ông bà số tiền là 70.000.000đ. Khi vay các bên không thỏa thuận lãi suất và hẹn đến ngày 02/4/2016 sẽ trả cho vợ chồng ông bà số tiền đã vay. khi đến hạn trả nợ mặc dù vợ chồng ông bà đã nhiều lần yêu cầu trả nợ nhưng bà Hồng vẫn không chịu trả. Nay vợ chồng ông bà khởi kiện đề nghị Toà án nhân dân huyện Krông Pa buộc bà Trịnh Thị Như H và ông Bùi Tuấn K phải liên đới trả cho vợ chồng ông bà số tiền là 70.000.000đ và không yêu cầu tính lãi suất. Tuy nhiên vào khoảng tháng 5/2016 bà Hồng đã trả cho vợ chồng ông bà số tiền là 10.000.000đ, còn nợ lại vợ chồng ông bà số tiền là 60.000.000đ nên trong quá trình tố tụng nguyên đơn đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Phan Thị Bạch Th là ông Nguyễn Đức L thay đổi, đề nghị Tòa án buộc bà Trịnh Thị Như H, ông Bùi Tuấn K phải liên đới trả cho vợ chồng ông bà số tiền là 60.000.000đ và không yêu cầu tính lãi suất. Ở giai đoạn xét xử ông Nguyễn Đức L ủy quyền lại cho bà Phan Thị Bạch Th và tại phiên tòa nguyên đơn đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Đức L là bà Phan Thị Bạch Th thừa nhận về số tiền vay, thời hạn trả nợ như ông L trình bày trước đây là đúng và đề nghị Tòa án buộc bà Trịnh Thị Như H, ông Bùi Tuấn K phải liên đới trả cho vợ chồng ông bà số tiền là 60.000.000đ và không yêu cầu tính lãi suất.

2. Trong quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa bị đơn bà Trịnh Thị Như H trình bày: vào ngày 02/02/2016, bà có vay của vợ chồng ông L, bà Th số tiền là 70.000.000đ để mua hàng hóa và chi tiêu cho đời sống trong gia đình và hẹn đến ngày 02/4/2016 sẽ trả cho vợ chồng ông L, bà Th như bà Thu trình bày tại phiên tòa là đúng sự thật nhưng do hoàn cảnh gia đình khó khăn nên mới trả được 10.000.000đ. Nay vợ chồng ông L, bà Th khởi kiện yêu cầu vợ chồng bà phải trả số tiền trên thì bà đồng ý nhưng vì hoàn cảnh gia đình đang khó khăn nên bà có nguyện vọng trả dần số tiền 60.000.00đ trên mỗi năm một ít.

Còn ông Bùi Tuấn K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến tham gia tố tụng trong vụ án nên không có quan điểm, lời khai hay trình bày gì.

3. Phát biểu ý kiến sau phần tranh luận, Kiểm sát viên cho rằng trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân thủ đầy đủ các thủ tục tố tụng cần thiết theo quy định của pháp luật; tại phiên tòa Hội đồng xét xử cũng đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng kể từ khi bắt đầu phiên tòa cho đến trước khi nghị án;

Ý kiến của Kiểm sát viên về nội dung vụ án: Căn cứ vào chứng cứ là giấy vay tiền lập ngày 02/02/2016 có chữ ký và ghi họ tên người vay là bà Trịnh Thị Như H số tiền là 60.000.000đ và căn cứ vào lời khai của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án có cơ sở khẳng định bà Trịnh Thị Như H đã vay của ông L, bà Th số tiền là 70.000.000đ, sau đó bà H đã trả cho vợ chồng ông L, bà Th số tiền là 10.000.000đ, còn nợ lại là 60.000.000đ nhưng sau đó bà H không trả cho vợ chồng ông L, bà Th mặc dù vợ chồng ông L, bà Th đi đòi nhiều lần nên vợ chồng ông L, bà Th khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà H, ông K phải có nghĩa vụ liên đới trả số tiền nợ là 60.000.000đ cho vợ chồng ông L, bà Th là có căn cứ nên cần chấp nhận

Bởi các lẽ trên: Áp dụng Điều Điều 26, 266 BLTTDS năm 2015 và các Điều 280, 281, 282, 285, 286, 290, 298, 302, 471, 474 và 478 của Bộ luật dân sự năm 2005. Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pa đề nghị Hội đồng xét xử sơ thẩm, xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Đức L, bà Phan Thị Bạch Th. Buộc bà Trịnh Thị Như H, ông Bùi Tuấn K phải có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Nguyễn Đức L, bà Phan Thị Bạch Th số tiền nợ là 60.000.000đ.

Về án phí: Căn cứ khoản 1, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc bà Trịnh Thị Như H, ông Bùi Tuấn K phải có nghĩa vụ liên đới nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

#### *1. Về thủ tục tố tụng:*

Sau khi Tòa án thụ lý vụ án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông Bùi Tuấn Kiệt như thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, giấy triệu tập...theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng ông K không đến Tòa án để thực hiện các quyền và nghĩa vụ tố tụng; ở giai đoạn xét xử vụ án Tòa án đã tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng ông K vẫn vắng mặt tại phiên tòa, do vậy Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là đúng với quy định tại điểm b Khoản 2 Điều 227; Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử chỉ căn cứ vào kết quả của việc hỏi nguyên đơn và bị đơn tại phiên tòa và xem xét các tài liệu chứng cứ đã thu thập được trong hồ sơ vụ án để quyết định, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

#### *2. Về nội dung:*

Căn cứ vào chứng cứ là một tờ giấy vay tiền bản chính do nguyên đơn cung cấp có chữ ký của bà Trịnh Thị Như H mà Tòa án đã thu thập đúng trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về chứng minh và chứng cứ nên có giá trị để xem xét. Theo đó, vào ngày 02/02/2016, bà Trịnh Thị Như H có vay của vợ chồng ông Lợi, bà Th số tiền là 70.000.000đ, khi vay các bên không thỏa thuận lãi suất mà chỉ thỏa thuận thời hạn trả nợ là ngày 02/4/2016. Tuy nhiên trong quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa ông L, bà Th thừa nhận vào tháng 5/2016 bà H trả cho vợ chồng ông L, bà Th số tiền là 10.000.000đ, bà H, ông K còn nợ lại vợ chồng ông L, bà Th số tiền là 60.000.000đ nên vợ chồng ông L, bà Th khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà H, ông K phải liên đới trả cho vợ chồng ông L, bà Th số tiền là 60.000.000đ và không yêu cầu tính lãi suất. Như vậy, việc các đương sự xác lập giao dịch với nhau là hoàn

toàn có thật và đã xảy ra trên thực tế, các bên đã thỏa thuận xác lập hợp đồng vay tài sản có kỳ hạn và không có lãi. Khi đến hạn trả nợ bà H, ông K không chịu trả tiền mặc dù ông L, bà Th có đòi nhiều lần, việc bà H, ông K không thực hiện việc trả tiền cho ông L, bà Th là vi phạm về nghĩa vụ dân sự đã cam kết được quy định tại các Điều 280, 281, 282, 285, 290, 471, 474 và 478 của Bộ luật dân sự năm 2005

Xét hợp đồng vay tiền mặc dù do một mình bà Trịnh Thị Như Hồng xác lập nhưng cũng nhằm phục vụ chung cho nhu cầu sinh hoạt trong gia đình. Vì vậy, ông Bùi Tuấn Kiệt là chồng cũng phải có nghĩa vụ liên đới trả số tiền vay cho nguyên đơn tổng cộng là 60.000.000đ

Từ đánh giá và nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy việc xử buộc bị đơn bà Trịnh Thị Như H, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Bùi Tuấn K phải có nghĩa vụ liên đới trả cho nguyên đơn ông Nguyễn Đức L, bà Phan Thị Bạch Th số tiền đã vay là 60.000.000đ là phù hợp và có cơ sở pháp lý.

*Về án phí:* Căn cứ khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Do yêu cầu của nguyên đơn ông Nguyễn Đức L, bà Phan Thị Bạch Th được chấp nhận nên bị đơn bà Trịnh Thị Như H, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Bùi Tuấn K phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm là 60.000.000đ x 5% = 3.000.000đ. Hoàn trả cho ông Nguyễn Đức L, bà Phan Thị Bạch Th toàn bộ tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ các Điều 4, 5, 6; khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Áp dụng các Điều 280, 281, 282, 285, 286, 290, 298, 302, 471, 474 và 478 của Bộ luật dân sự năm 2005.

1. Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn ông Nguyễn Đức L, bà Phan Thị Bạch Th.

Buộc bị đơn bà Trịnh Thị Như H, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Bùi Tuấn K phải có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Nguyễn Đức L, bà Phan Thị Bạch Th số tiền đã vay là 60.000.000đ (*sáu mươi triệu đồng*).

*Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu lãi đối với số tiền còn phải thi hành án theo thỏa thuận của các*

*bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của BLDS, nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian của số tiền còn phải thi hành án.*

*Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.*

2.Về án phí: Căn cứ khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Buộc bà Trịnh Thị Như H, ông Bùi Tuấn K phải cùng nhau liên đới nộp 3.000.000đ (Ba triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho ông Nguyễn Đức L, bà Phan Thị Bạch Th toàn bộ số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 1.750.000đ (Một triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu số 0005845 ngày 25/4/2017 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Krông Pa, tỉnh Gia Lai.

Nguyên đơn ông Nguyễn Đức L, bà Phan Thị Bạch Th và bị đơn bà Trịnh Thị Như H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 27/9/2017), còn người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Bùi Tuấn K vắng mặt thì có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại nơi cư trú để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Gia Lai (01 bản);
- VKSND h Krông Pa (02 bản);
- Chi cục THADS h. Krông Pa (01 bản);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Ksor pep**

